

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

Mẫu số 40- DS
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 107/2017/QĐST- HNGĐ

Đắk Hà, ngày 29 tháng 11 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 119/2017/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn Ch, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Ngô Thị M với ông Đỗ Văn Ch.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về tình cảm:* Bà Ngô Thị M với ông Đỗ Văn Ch tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông, bà đều xác nhận vợ chồng có hai con chung tên là: Đỗ Thế Q, sinh ngày 14/11/1980 và Đỗ Thị H, sinh ngày 15/11/1982. Các con đã trưởng thành đủ 18 tuổi, đều có gia đình riêng và sống tự lập riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- *Về tài sản chung và công nợ chung:* Các đương không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm (Thuận tình ly hôn):* Áp dụng Điều 144; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 5; Điều 6; Điểm a khoản 1

Điều 24; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*), các đương sự phải chịu. Bà Ngô Thị M thỏa thuận chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) bà Ngô Thị M đã nộp theo biên lai số AA/2010/ 0009285 ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, bà Ngô Thị M được trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND X. Tân Trào, H. Thanh Miện, T. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh

